Chủ biên: **PGS.TS. PHẠM SỸ LĂNG**
TS. NGUYỄN BÁ HIÊN - ThS. LÊ THỊ THỊNH

Sổ tay THẦY THUỐC THÚ Y

TẬP I

BỆNH HÔ HẤP THƯỜNG GẶP Ở GIA SÚC, GIA CẦM VÀ KỸ THUẬT PHÒNG TRỊ

NGUYÊN
ỌC LIỆU
9

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

Chủ biên: PGS.TS PHẠM SỸ LĂNG
TS. NGUYỄN BÁ HIÊN, ThS. LÊ THỊ THỊNH

SỔ TAY THẦY THUỐC THÚ Y

(TẬP I)

BỆNH HÔ HẤP THƯỜNG GẶP Ở GIA SÚC, GIA CẦM VÀ KỸ THUẬT PHÒNG TRỊ

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM HỌC LIỆU

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP
HÀ NỘI – 2008

LỜI NÓI ĐẦU

Trong những năm gần đây, dịch bệnh trong đàn vật nuôi ở nước ta có chiều hướng gia tăng, diễn biến phức tạp mặc dù công tác thú y đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và ngành Thú y đặc biệt chú trọng và tăng cường. Nguyên nhân của hiện tượng trên là: thời tiết và khí hậu thời gian qua có những thay đổi không bình thường; điều kiện chăn nuôi chuyển từ chăn nuôi đơn lẻ sang chăn nuôi với quy mô lớn hơn, trong khi các điều kiện bảo vệ sức khỏe cho vật nuôi còn nhiều bất cập. Do vậy, dịch bệnh ở vật nuôi đã xảy ra khá phổ biến, gây nhiều tổn thất về kinh tế cho người chăn nuôi.

Để góp phần khắc phục tình trạng trên, Nhà xuất bản Nông nghiệp đã mời PGS.TS. Phạm Sỹ Lăng và một số chuyên gia thú y biên soạn bộ sách: ***"Sổ tay thầy thuốc Thú y"*** *nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản và cập nhật về những bệnh quan trọng phổ biến ở vật nuôi nước ta, trong đó có một số bệnh mới và kỹ thuật, kinh nghiệm chẩn đoán phòng trị bệnh cho cán bộ thú y cơ sở và người chăn nuôi nhằm nâng cao hiểu biết về dịch bệnh ở vật nuôi trong điều kiện hiện nay để bảo vệ tốt sức khỏe của đàn vật nuôi.*

Tập I của bộ sách trên trình bày ***"Bệnh hô hấp thường gặp ở gia súc, gia cầm và kỹ thuật phòng trị".***

Sách gồm các chương:

- Chương I: Bệnh hô hấp do virus và vi khuẩn ở vật nuôi.

- Chương II: Bệnh hô hấp do ký sinh trùng ở vật nuôi.

- Chương III: Một số kỹ thuật thực thành thú y.

- Phụ lục 1: Một số hằng số sinh lý của vật nuôi

- Phụ lục 2: Một số thuốc mới điều trị bệnh cho vật nuôi.

Nhà xuất bản xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc và mong nhận được nhiều ý kiến bổ sung cho lần xuất bản sau.

Xin chân thành cảm ơn !

Nhà xuất bản Nông nghiệp

Chương I
BỆNH HÔ HẤP Ở VẬT NUÔI DO VIRUS VÀ VI KHUẨN

BỆNH VIÊM KHÍ QUẢN TRUYỀN NHIỄM Ở BÒ
(Infectious Bovine Rhinotracheitis)

1. Phân bố

Bệnh đã được phát hiện từ lâu ở các nước Bắc Mỹ như Hoa Kỳ, Canada, Mêhicô nhưng bệnh chỉ chính thức được đặt tên: *"Bệnh viêm khí quản truyền nhiễm"* từ năm 1955. Tác nhân gây bệnh được xác định là một virus (Madin, 1956).

Hiện nay, bệnh đã được xác định ở nhiều nước trên thế giới: Niu Dilân, Ôxtrâylia, Anh, Nam Phi, Nhật Bản, Ấn Độ và một số nước Nam Mỹ.

Bệnh ở bò với các biểu hiện lâm sàng đặc trưng: viêm thũng, xuất huyết, hoại tử niêm mạc đường hô hấp và các tổn thương ở cơ quan sinh dục của cả gia súc đực và cái. Ở nước ta đã phát hiện một số bò sữa và bò thịt bị bệnh qua theo dõi triệu chứng lâm sàng ở đàn bò sữa (Holstein Friesian) và bò thịt (Brahman) nhập từ Ôxtrâylia. Ở Ôxtrâylia hiện bệnh viêm khí quản truyền nhiễm cũng vẫn còn lưu hành trên đàn bò. Tuy nhiên, bệnh này chưa được nghiên cứu đầy đủ ở nước ta.

2. Nguyên nhân

Bệnh gây ra do một virus thuộc nhóm *Herpesvirus*, họ *Herpesviridae*, có thể tồn tại được 10 ngày ở 37^0C nhưng bị chết

sau 21 phút ở 56^{0}C. Hiện nay, người ta mới phát hiện virus chỉ có một typ kháng nguyên nhưng các chủng virus phân lập ở các khu vực trên thế giới có độc lực thay đổi khác nhau. Một sự liên quan giữa kháng nguyên của virus gây bệnh viêm khí quản truyền nhiễm ở bò và virus gây bệnh viêm khí quản truyền nhiễm của ngựa (*Herpesvirus equi)* đã được phát hiện qua phản ứng huyết thanh học.

3. Triệu chứng

Thời gian ủ bệnh 3 - 7 ngày.

Bò bệnh thể hiện: sốt cao 41 - 42^{0}C, mệt mỏi, ăn ít trong thời gian sốt. Nước mắt, nước mũi chảy nhiều do viêm niêm mạc mũi và kết mạc. Chất tiết trong xoang mũi ngày càng đặc có lẫn máu, sau đó có lẫn mủ xanh vàng do nhiễm khuẩn thứ phát. Vài ngày sau, niêm mạc xoang mũi tạo màng giả có thể bong ra để lộ lớp niêm mạc sung huyết đỏ. Vật bệnh thở khó, ho tăng dần do viêm khí quản và phế quản. Hơi thở vật bệnh có mùi thối.

Một số vật bệnh viêm kết mạc và giác mạc, thể hiện khoé mắt sưng đỏ, kết mạc trắng đục, chảy dịch. Trong trường hợp viêm nặng, con vật bị hỏng giác mạc và không nhìn được. Bê non bị bệnh biểu hiện hội chứng thần kinh như run rẩy, đi loạng choạng, hoảng hốt. Bò cái thể hiện viêm tử cung âm đạo chảy dịch.

Virus có thể truyền qua bào thai ở súc vật cái mang thai và gây sẩy thai vào tháng thứ 7 - 8. Thai bị sẩy có biểu hiện các nốt hoại tử ở gan, lách và tụ máu ở dưới da.

Bệnh tiến triển trong khoảng 10 - 14 ngày. Vật bệnh thường chết nếu có nhiễm thứ phát do liên cầu (*Streptococcus),* tụ cầu (*Staphylococcus)* và các tạp khuẩn khác.

4. Bệnh tích

Bệnh tích tập trung ở đường hô hấp trên với các biểu hiện đặc trưng của viêm niêm mạc thể cata cấp. Niêm mạc mũi, họng, khí quản thường xuất huyết, hoại tử ở lớp đệm của niêm mạc, trên đó có xuất hiện sợi huyết (Fibrin). Các trường hợp nặng, niêm mạc mũi có phủ màng giả, dày lên che lấp đường hô hấp trên làm cho vật bệnh khó thở.

Kiểm tra bệnh tích vi thể, người ta thấy: hiện tượng sung huyết và dịch thẩm xuất tế bào bạch cầu trung tính ở niêm mạc mũi và khí quản.

Trong các trường hợp có nhiễm liên cầu khuẩn và tụ cầu khuẩn sẽ thấy có hoại tử niêm mạc khí quản mà trên đó có dịch mủ lẫn máu. Phế quản và phế nang cũng có dịch thẩm xuất và mủ.

5. Điều kiện lây lan

a) Bò ở các lứa tuổi đều bị bệnh nhưng bò lứa tuổi 5 - 7 tháng thường bị bệnh với tỉ lệ cao thể cấp tính và chết nhiều.

Các giống bò đều cảm nhiễm virus nhưng bò sữa phát bệnh nặng hơn bò thịt.

b) Virus thích ứng mạnh với tế bào thượng bì đường hô hấp cũng như dễ dàng xâm nhập vào niêm mạc đường sinh dục của súc vật cái, gây tổn thương ở đây và gây sẩy thai.

Bò ốm thải virus ra môi trường tự nhiên ngày thứ 10 - 12 sau khi có biểu hiện lâm sàng. Trong các trường hợp gây bệnh nhân tạo, bò bệnh thải virus sau 60 ngày và kéo dài hàng năm qua nước mũi.

Virus xâm nhập vào bò chủ yếu qua đường hô hấp. Virus có trong dịch mũi, nước mắt của vật bệnh thải ra ngoài gây ô nhiễm

không khí và môi trường. Súc vật khoẻ hít thở không khí có virus, virus sẽ xâm nhập vào niêm mạc mũi, khí quản và gây bệnh.

c) Sự lây lan của bệnh và mức độ thiệt hại của bệnh trong đàn bò phụ thuộc vào điều kiện chăn nuôi chăm sóc đàn bò và điều kiện vệ sinh môi trường.

d) Bệnh có thể lây lan quanh năm nhưng tập trung vào thời gian thay đổi thời tiết từ ấm áp sang giá lạnh, từ cuối mùa thu sang mùa đông và đầu mùa xuân.

6. Chẩn đoán

a) Chẩn đoán lâm sàng: Căn cứ vào các triệu chứng lâm sàng và bệnh tích đặc trưng như sốt cao, viêm niêm mạc đường hô hấp trên có màng giả và hoại tử để phân biệt với bệnh sốt cata cấp, bệnh viêm phổi do vi khuẩn. Bệnh viêm phế quản còn kèm theo viêm tử cung âm đạo ở gia súc cái và gây sảy thai.

b) Chẩn đoán vi sinh vật: người ta có thể nuôi cấy phân lập, giám định virus từ bệnh phẩm trên các môi trường tế bào tuyến giáp, tế bào thận bê và tế bào thượng bì của khí quản bê. Virus có thể tạo bệnh tích đặc trưng trên tế bào chỉ sau khi nuôi cấy 2 - 3 ngày

c) Chẩn đoán miễn dịch: dùng phương pháp miễn dịch gắn men (ELISA), phương pháp huỳnh quang kháng thể (IFAT), phương pháp trung hoà (NT) để phát hiện kháng thể kháng virus viêm khí quản của bò trong huyết thanh bò nghi bị bệnh.

7. Điều trị

Hiện không có thuốc điều trị bệnh đặc hiệu. Người ta thường dùng các kháng sinh điều trị nhiễm khuẩn thứ phát